

料理の写真（カラー）

- 3.** ① Just like in the example, ask what 1) through 4) are.

Hãy hỏi về các hình 1) ~ 4) như câu ví dụ.

Mari bertanya tentang 1)-4) seperti contoh.

K-17

- ② Just like in the example, choose your own answer for 1) through 4).

Hãy chọn câu trả lời của mình từ hình 1) ~ 4) và nói ra.

Pilihlah jawaban sendiri dari ilustrasi 1) -4) lalu katakanlah.

れい)



カレー
karee



すし
sushi



ラーメン
raamen

P-01

A : ①なにを たべます か。
Nani o tabemasu ka?

B : ② うーん。
Uun.

A : ①なにを たべます か。
Nani o tabemasu ka?

B : ② (ラーメン) を たべます。
raamen o tabemasu.

1)



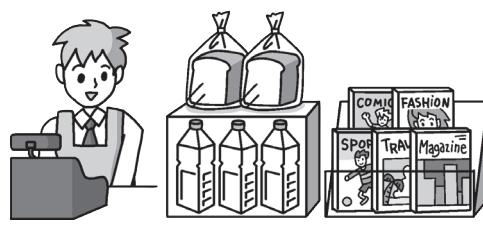
2)



3)



4)



かいわ

Conversation / Hội thoại / Percakapan

K-18

メニュー

カレー karee

ちらしずし chirashizushi

ハイ : **これは カレーですか。**
Hai : Kore wa karee desu ka?

さとう : **はい、そうです。**
Satoo : Hai, soo desu.

ハイ : **これは なんですか。**
Kore wa nan desu ka?

さとう : **すしです。**
Sushi desu.

ハイ : **おいしいですか。**
Oishii desu ka?

さとう : **ええ。**
Ee.

A black and white illustration shows a man and a woman seated at a table in a restaurant. They are both looking at an open menu card together. The menu has the word 'MENU' printed at the top. The background features large windows with a view of the outside.

やってみよう！

Let's try! / Hãy làm thử xem! / Mari coba!

1. Answer question A.

Hãy trả lời câu hỏi ở phần A.
Mari jawab pertanyaan nomor A.

K-22

れい)



A : これは すしですか。

Kore wa sushi desu ka?

B : はい、そうです。

Hai, soo desu.

A : これは カレーですか。

Kore wa karee desu ka?

B : いいえ、ちがいます。

lie, chigaimasu.

P-03

メニュー



れい)
ちらしずし
chirashizushi



1)
カレー
karee



2)
すきやき
sukiyaki



3)
おにぎり
onigiri



4)
たこやき
takoyaki



5)
ラーメン
raamen

- 2.** ① Just like in the example, ask what 1) through 5) are while pointing to them.
 Hãy chỉ vào các hình 1) ~ 5) trong thực đơn và hỏi như câu ví dụ.
 Tunjuk 1) -5) pada menu lalu bertanyalah seperti contoh.

🔊 K-23

- ② Answer question ①.
 Hãy trả lời câu hỏi ở phần ①.
 Mari jawab pertanyaan nomor ①.

れい)



A : ① これは なんですか。

Kore wa nan desu ka?

B : ② カレー です。

Karee desu.

📷 P-04

❖ メニュー ❖

 れい) カレー karee	 1) しゃぶしゃぶ shabushabu	 2) おこのみやき okonomiyaki
 3) うどん udon	 4) かつどん katsudon	 5) のりまき norimaki



カレー
karee



すし
sushi



ラーメン
raamen

❖ メニュー ❖



カレー
karee



ちらしずし
chirashizushi

❖ メニュー ❖



れい)
ちらしずし
chirashizushi



1)
カレー
karee



2)
すきやき
sukiyaki



3)
おにぎり
onigiri



4)
たこやき
takoyaki



5)
ラーメン
raamen

❖ メニュー ❖



れい)
カレー
karee



1)
しゃぶしゃぶ
shabushabu



2)
おこのみやき
okonomiyaki



3)
うどん
udon



4)
かつどん
katsudon



5)
のりまき
norimaki